

**CÔNG ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
VĂN PHÒNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT**

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 05-2023

I. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Quy định của pháp luật về tỷ lệ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động

Chị M là nhân viên phòng kỹ thuật hỏi: Chị mới vào Công ty Dệt May A làm việc từ đầu tháng 3/2023 đến nay, loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Trước đó, chị làm ở Công ty B, hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng và hàng tháng bị trừ 13,5% tiền lương đóng bảo hiểm phần đóng thuộc về trách nhiệm người lao động. Ở Công ty Dệt May A, tháng này chị chỉ bị trừ 10,5% tiền lương. Chị M hỏi tỷ lệ đóng bảo hiểm đối với người lao động theo quy định của pháp luật là bao nhiêu, tỷ lệ này có phụ thuộc vào thời hạn của hợp đồng lao động và có sự khác biệt giữa người lao động là công dân Việt Nam và người lao động là người nước ngoài không?

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Luật Việc làm năm 2013;
- Quyết định số 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (Quyết định 595/QĐ-BHXH).

Xử lý tình huống:

- Theo quy định tại các Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 4, 5, 18 Quyết định 595/QĐ-BHXH và Điều 57 Luật việc làm năm 2013 thì người lao động là công dân Việt Nam là đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc khi tham gia vào quan hệ lao động, ký hợp đồng lao động (HĐLĐ) không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo các mức sau đây:

- Đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí và tử tuất): 8% tiền lương tháng (Điểm 1.1, khoản 1, Điều 5 Quyết định 595/QĐ-BHXH);
- Đóng vào quỹ bảo hiểm y tế: 1,5 % tiền lương tháng (Khoản 1, Điều 18 Quyết định 595/QĐ-BHXH);

- Đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp: 1% tiền lương tháng (Điểm a, khoản 1, Điều 57 Luật Việc làm 2013).

Tổng mức đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động là công dân Việt Nam như phân tích trên là 10,5% tiền lương tháng. Người lao động là người nước ngoài không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Việc làm năm 2013 nên người lao động nước ngoài không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp (Điều 2 Luật việc làm 2013), vì vậy tỷ lệ đóng BHXH, BHYT đối với người lao động người nước ngoài là 9,5%

Như vậy, việc Công ty Dệt May A trích nộp 10,5% tiền lương tháng để đóng BHXH, BHYT, BHTN phân nghĩa vụ của người lao động là đúng quy định của pháp luật. Tỷ lệ này không phân biệt loại hợp đồng, nhưng có sự khác nhau giữa đối tượng người lao động là công dân Việt Nam và người lao động là người nước ngoài như phân tích trên.

NGUYỄN THỊ THANH HOÀN

II. TÌNH HUỐNG PHÁP LUẬT

Quy định dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi về điều kiện hưởng lương hưu

Chị H, công nhân Công ty cổ phần May S có đọc trên báo sắp tới người lao động chỉ cần đóng bảo hiểm xã hội 15 năm đã đủ điều kiện được hưởng lương hưu. Chị H hỏi thông tin trên được quy định trong văn bản nào? Nếu người lao động có 15 năm đóng bảo hiểm xã hội thì mức hưởng lương hưu trong trường hợp này thế nào?

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Bộ Luật lao động năm 2019;
- Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi.

Xử lý tình huống:

Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019 và Điều 54, 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định người lao động hưởng lương hưu khi đủ tuổi theo quy định và đáp ứng điều kiện về thời gian đóng BHXH như sau:

- Đã đóng BHXH *từ đủ 20 năm trở lên*.
- Trừ trường hợp lao động nữ là cán bộ, công chức cấp xã hoặc hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường, thị trấn đã đóng BHXH từ đủ 15 năm trở lên.

Để tăng cơ hội hưởng lương hưu cho người lao động, dự thảo Luật BHXH sửa đổi đang đề xuất giảm *thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng lương hưu xuống còn 15 năm cho hầu hết người lao động*. Cụ thể như sau:

Tại Điều 71 Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi quy định:

“Điều kiện hưởng lương hưu

1. Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i, k, l, m khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Luật này, khi nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên thì được hưởng lương hưu nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đủ 61 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 56 tuổi 08 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam cho đến khi đủ 62 tuổi vào năm 2028 và cứ mỗi năm tăng thêm 04 tháng đối với lao động nữ cho đến khi đủ 60 tuổi vào năm 2035;

b) Người lao động có tuổi thấp hơn tối đa 05 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản này và có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

c) Người lao động có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản này và có đủ 15 năm làm công việc khai thác than trong hầm lò theo quy định của Chính phủ;

d) Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Người lao động quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 31 của Luật này nghỉ việc có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên được hưởng lương hưu khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có tuổi thấp hơn tối đa 05 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trừ trường hợp Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Công an nhân dân, Luật Cơ yếu, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng có quy định khác;

b) Có tuổi thấp hơn tối đa 10 tuổi so với tuổi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;

c) Người bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Điều kiện về tuổi hưởng lương hưu đối với một số trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

4. Người lao động quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này có thời điểm hưởng bảo hiểm xã hội một lần sau thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì điều kiện để được hưởng lương hưu là phải có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên.

Về mức hưởng lương hưu, Điều 73 dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi đề xuất như sau:

- Mức lương hưu được tính bằng 45% mức đóng, nếu tham gia BHXH đủ 15 năm với nữ và 20 năm đóng với nam. Sau đó, mỗi năm đóng BHXH được cộng thêm 2% vào lương hưu. Lương hưu tối đa bằng 75% mức đóng (nam đóng tối đa 35 năm, nữ tối đa 30 năm).

- Trường hợp thời gian tham gia BHXH từ 15-20 năm với lao động nam, mỗi năm đóng được tính bằng 2,25% lương tháng tính đóng BHXH.

Như vậy, nếu đề xuất trên được thông qua thì:

- Lao động nữ tới tuổi nghỉ hưu khi có 15 năm đóng BHXH sẽ được tính lương hưu bằng 45% mức đóng;

- Lao động nam tới tuổi nghỉ hưu có thời gian tham gia BHXH 15 năm thì lương hưu được tính bằng 33,75% mức đóng.

Hiện nay, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đang được giao chủ trì soạn thảo và tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi. Nếu dự thảo được thông qua thì đối tượng được hưởng lương hưu sẽ mở rộng thêm.

TRẦN THỊ NGỌC BÍCH